

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **641**/QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày **09** tháng 5 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bổ sung kinh phí thực hiện hỗ trợ cho các đối tượng theo quy định tại Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 88/2019/TT-BTC ngày 24/12/2019 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về các biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid 19;

Căn cứ Quyết định số 1989/QĐ-UBND ngày 11/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2020;

Xét đề nghị của giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 71/TTr-STC ngày 29 tháng 4 năm 2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung có mục tiêu năm 2020 cho Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố với số tiền 23.736.000.000 đồng (Hai mươi ba tỷ, bảy trăm ba mươi sáu triệu đồng) để thực hiện hỗ trợ 01 tháng cho các nhóm đối tượng (người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động hoặc nghỉ việc không hưởng lương; hộ kinh doanh cá thể; người lao động bị chấm dứt hợp đồng lao động làm việc nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp; người lao động không có giao kết hợp đồng lao động bị mất việc làm) theo quy định tại Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ, *chi tiết theo phụ lục đính kèm.*

* Nguồn kinh phí thực hiện: Thu từ Quỹ dự trữ tài chính tỉnh.

Điều 2.

1. Giao Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước Đắk Nông lập thủ tục cấp phát kinh phí nêu trên theo quy định. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có trách nhiệm quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí được hỗ trợ bảo đảm đúng quy định, đúng mục đích, đối tượng, hiệu quả, công khai, minh bạch.

2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND các huyện, thành phố; UBND cấp xã thực hiện việc kiểm tra, thẩm định chặt chẽ trước khi thực hiện



việc chi trả chế độ cho đối tượng thụ hưởng đảm bảo theo đúng quy định về điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện tại Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ. Đồng thời, báo cáo tình hình thực hiện (kèm theo các chứng từ chi trả có xác nhận của Kho bạc Nhà nước) về Sở Tài chính để tổng hợp tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo trung ương theo quy định.

3. Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm về tính chính xác, pháp lý của nội dung, số liệu báo cáo tại Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đắk Nông; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *lu*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Đồng chí Bí thư Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, KTTH (TT).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Bôn
Nguyễn Bôn



**KINH PHÍ BỔ SUNG CỘ MỤC ĐỂ CHO CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ THỰC HIỆN HỖ TRỢ
CÁC ĐỐI TƯỢNG THỜ NGHĨ QUYẾT SỐ 42/NQ-CP**

*(Kèm theo Quyết định số **644** /QĐ-UBND ngày **08** /5/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)*



Phụ lục

DVT: Đồng

| STT | Huyện, thành phố | Người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, thỏa thuận nghỉ không lương (mục 1, phần II, NQ 42) | Số tiền được hỗ trợ (mức hỗ trợ: 1.800.000 đồng/người/tháng) | Hộ kinh doanh cá thể (mục 3, Phần II, NQ42) | Số tiền được hỗ trợ (mức hỗ trợ: 1.000.000 đồng/hộ/tháng) | - Người lao động (mục 4, Phần II, NQ 42) | | Số tiền được hỗ trợ (mức hỗ trợ: 1.000.000 đồng/người/tháng) | Phần kinh phí Ngân sách huyện, thành phố đảm bảo từ 50% dự phòng theo quy định | Phần kinh phí Ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu |
|-----|------------------|--|--|---|---|--|---|--|--|--|
| | | | | | | Người lao động bị chấm dứt hợp đồng/hợp đồng làm việc nhưng không đủ điều kiện hưởng bảo hiểm thất nghiệp; | Người lao động không có giao kết hợp đồng lao động và mất việc làm hiện đang cư trú hợp pháp tại địa phương | | | |
| 1 | 2 | 3 | 4=(3*1.800.000 đồng) | 5 | 6=(5*1.000.000 đồng) | 7 | 8 | 9=(7+8)*1.000.000 đồng) | 10 | 10=(4+6+9-10) |
| 1 | Huyện Cư Jút | 926 | 1.666.800.000 | 139 | 139.000.000 | 414 | 3.068 | 3.482.000.000 | | 5.287.800.000 |
| 2 | Huyện Krông Nô | 927 | 1.668.600.000 | 484 | 484.000.000 | 338 | 2.079 | 2.417.000.000 | | 4.569.600.000 |
| 3 | Huyện Đắk Mil | 193 | 347.400.000 | 263 | 263.000.000 | 63 | 481 | 544.000.000 | | 1.154.400.000 |
| 4 | Huyện Đắk Song | 619 | 1.114.200.000 | 699 | 699.000.000 | 146 | 1.230 | 1.376.000.000 | | 3.189.200.000 |
| 5 | Huyện Đắk Rlấp | 114 | 205.200.000 | 1.165 | 1.165.000.000 | 122 | 1.438 | 1.560.000.000 | | 2.930.200.000 |
| 6 | Huyện Đắk Glong | 174 | 313.200.000 | 220 | 220.000.000 | 2 | 675 | 677.000.000 | | 1.210.200.000 |
| 7 | Huyện Tuy Đức | 125 | 225.000.000 | 307 | 307.000.000 | 54 | 899 | 933.000.000 | | 1.485.000.000 |
| 8 | TP. Gia Nghĩa | 892 | 1.605.600.000 | 0 | 0 | 10 | 3.484 | 3.494.000.000 | 1.190.000.000 | 3.909.600.000 |
| | Tổng cộng | 3.970 | 7.146.000.000 | 3.277 | 3.277.000.000 | 1.149 | 13.354 | 14.503.000.000 | 1.190.000.000 | 23.736.000.000 |

ba